

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/DS-ST

Ngày: 27-9-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Phạm Công Gia**.

2/ Bà **Phạm Thị Liễu**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà **Lại Thị Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 115/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị L** - sinh năm 1950.

Địa chỉ: số A, tổ G, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Bà **Đặng Thị L1** - sinh năm 1957.

Địa chỉ: tổ F, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai

(Vắng mặt nguyên đơn, bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị L trong quá trình tố tụng trình bày: Bà L và bà L1 có quen biết nhau nên ngày 12/6/2017, bà L có cho bà L1 vay số tiền 10.000.000 (Mười triệu đồng) không xác định thời hạn trả, đã trả lãi được 02 tháng với số tiền 300.000 đồng, có làm giấy biên nhận do bà L viết nội dung và bà L1 ký tên xác nhận nợ. Ngày

18/6/2017, bà L tiếp tục cho bà L1 vay số tiền 10.000.000 (Mười triệu đồng), không thỏa thuận thời hạn vay, đã trả lãi trước 300.000 đồng. Cả 02 lần vay có thỏa thuận miệng về tiền lãi là 150.000 đồng/tháng/10.000.000 đồng, các bên có làm giấy biên nhận do bà L viết nội dung và bà L1 ký tên xác nhận tiền lãi.

Bà L có yêu cầu bà L1 trả tiền nhiều lần nhưng bà L1 không trả do đó bà L khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết buộc bà L1 phải trả nợ.

Việc vay nợ là giữa cá nhân bà L và cá nhân bà L1, không còn liên quan đến chồng bà L1 cũng như không liên quan đến ai khác.

Nay bà L yêu cầu Tòa án buộc bà L1 hoàn trả cho bà tổng số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng + tiền lãi 10.080.000 đồng (tính từ tháng 6/2017 đến tháng 6/2020 là 36 tháng x 20.000.000đ x 1,4%/tháng = 10.080.000 đồng). Bà L1 đã trả được số tiền lãi là 600.000 đồng nên bà L trừ đi khoản tiền lãi đã nhận thì còn số tiền lãi chưa trả là 9.480.000 đồng. Như vậy, tổng tiền gốc và lãi mà bà L1 phải trả cho bà L là 29.480.000 đồng.

Về án phí: Yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật

Ngoài ra bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại bản tự khai của ông Nguyễn Xuân C trình bày: Ông có biết việc cho vay tiền giữa bà L và bà L1, hai bên có làm hợp đồng vay tiền và bà L1 ký tên vào. Số tiền bà L cho bà L1 vay thuộc tài sản riêng của bà L1, không liên quan đến ông và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật không đưa ông vào tham gia tố tụng. Ông C không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác

Tại biên bản lấy lời khai ông H trình bày: Ông và bà Đặng Thị L1 là vợ chồng cùng chung sống tại ấp T, xã P. Ông có biết bà L1 vay tiền của bà L để sử dụng cho mục đích cá nhân nhưng không rõ là sử dụng vào việc gì, số tiền vay của bà L không sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng. Việc bà L cho bà L1 vay tiền không liên quan đến ông, đây là nợ riêng của bà L1. Vì vậy ông đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng. Ngoài ra ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Bị đơn bà Đặng Thị L1 vắng mặt các buổi làm việc, các phiên hòa giải, phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến, đồng thời bà L1 không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì nên không xem xét.

Quá trình thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định nhưng bị đơn bà Đặng Thị L1 đều vắng mặt không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Vì vậy Tòa án không ghi được lời khai hay yêu cầu của bà L1 liên quan đến nội dung vụ án. Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên do bà L1 đã được triệu tập họp lệ đến 02 lần nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, nên Tòa án chỉ mở phiên họp công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp cho các đương sự biết quy định tại khoản 3, Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: Bà L yêu cầu Tòa án buộc bà L1 hoàn trả cho bà tổng số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng + tiền lãi 10.080.000 đồng (tính từ tháng 6/2017 đến tháng 6/2020 là 36 tháng x 20.000.000đ x 1,4%/tháng = 10.080.000 đồng). Bà L1 đã trả được số tiền lãi là 600.000 đồng nên bà L trừ đi khoản tiền lãi đã nhận thì còn số tiền lãi chưa trả là 9.480.000 đồng. Như vậy, tổng tiền gốc và lãi mà bà L1 phải trả cho bà L là 29.480.000 đồng. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp và Tòa án thu thập thì có đủ cơ sở đề nghị Tòa án buộc bà Đặng Thị L1 phải có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị L số tiền vay gốc và lãi là 29.480.000 đồng.

Về án phí: **Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Do nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa, theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L cung cấp Biên nhận đề ngày 12/6/2017 và ngày 18/6/2017, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Đặng Thị L1 có nơi cư trú tại xã P, huyện T nên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Tân Phú có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định bà Hoàng Thị L là nguyên đơn; bà Đặng Thị L1 là bị đơn trong vụ án.

[1.5] Về thời hiệu khởi kiện: Do Nguyên đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, bị đơn không làm việc được, mặt khác 02 Giấy nhận tiền đều không xác định thời hạn trả nợ nên căn cứ Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự thì không xác định thời hiệu khởi kiện trong trường hợp nêu trên.

[1.6] Về yêu cầu phản tố: Bị đơn không có yêu cầu phản tố nên không xem xét.

[2] Về đường lối giải quyết vụ án:

[2.1] Về tài liệu chứng cứ:

- Nguyên đơn cung cấp Biên nhận đề ngày 12/6/2017 và ngày 18/6/2017 có chữ ký và chữ viết của bị đơn.

- Tòa án thu thập: Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai của đương sự và Bản án số 10/2023/DS-ST ngày 14/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú có hiệu lực pháp luật thể hiện bà L1 thừa nhận chữ ký chữ viết đối với các biên nhận Biên nhận đề ngày 12/6/2017 và ngày 18/6/2017 là hoàn toàn đúng sự thật và thừa nhận có việc vay nợ của bà L như bà L trình bày là đúng. Tuy nhiên bà L1 cho rằng các khoản nợ trên đã trả hết cho bà L, nhưng lại không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ.

Như vậy, các bên đương sự đều thừa nhận và thống nhất về phần chữ ký và chữ viết. Bà L, bà L1 không yêu cầu giám định đối với các biên nhận này. Việc nguyên đơn cung cấp chứng cứ và Tòa án thu thập các tài liệu chứng cứ nêu trên thì các đương sự không thắc mắc khiếu nại gì về trình tự thu thập, nên các tài liệu chứng cứ trong vụ án được thu thập theo trình tự hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L:

- Đối với khoản tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ tháng 6/2017 đến tháng 6/2020 là 36 tháng, lãi suất 1,4%/tháng, bà L1 đã trả được 600.000 đồng tiền lãi. Như vậy, trừ đi số tiền lãi đã nhận là 600.000 đồng thì bà L1 còn nợ bà L tổng tiền gốc và lãi là 29.480.000 đồng tính cho đến năm 2020 và bà L không yêu cầu tính lãi tiếp cho đến nay.

- Bà Đặng Thị L1 thừa nhận có vay khoản tiền gốc là 20.000.000 đồng, nhưng cho rằng đã trả cho bà L hết số tiền này mà không có chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ. Mặt khác bà L1 vắng mặt tại phiên tòa và cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác, nên theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Do đó, căn cứ các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự 2025 xác định bà L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên bà L1 phải có trách nhiệm trả các khoản tiền vay gốc và lãi cho bà L số tiền 29.480.000 đồng theo yêu cầu của bà L1.

[2.3] Về cách tính lãi suất:

- Bà Hoàng Thị L yêu cầu tính lãi mức 1,4%/tháng. Cách tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật do đó ghi nhận và căn cứ theo Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tính lãi suất ở mức 1,4% và việc bà L xác định tính lãi trong 03 năm kể từ ngày vay mà không tính tiếp đến thời điểm hiện nay là có lợi cho bị đơn và phù hợp, nên yêu cầu nêu trên của bà L là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ của bà Đặng Thị L1: Do nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc vay nợ là cá nhân không liên quan đến chồng nên nghĩa vụ trả nợ cho bà L là do bà L1 chịu trách nhiệm không liên quan đến chồng bà L1.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Hoàng Thị L được chấp nhận và các bên

không thỏa thuận được về phần án phí nên buộc bà Đặng Thị L1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, **bị đơn bà L1** là người cao tuổi nhưng không có đơn yêu cầu miễn nộp tiền tạm ứng, án phí **nên không được miễn nộp tiền án phí theo quy định.**

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về cơ bản phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 26, 35, 39, 68, 91, 147, 184, 227, 228, 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 117, 223, 280, 357, 401, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L. Buộc bà Đặng Thị L1 phải trả cho bà L số tiền vay gốc và lãi là 29.480.000 đồng (hai mươi chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị L1 phải chịu là 1.474.000 đồng (Một triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

3. Về quyền kháng cáo: Bà Hoàng Thị L và bà Đặng Thị L1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tuấn